

WORKSHEET

FFs2-Unit 11



Teacher's
feedback



Task 1: Look and fill in the missing letters.

(Nhìn và điền chữ cái còn thiếu vào ô trống.)



1. dr__ss



2. t__e



3. j__an__



4. b__ot__



5. sc__rf



6. ca__dig__n



7. g__ov__s



8. s__ea__er



9. s__ck__



10. c__p



11. p__ja__as



12. __ac__et

**Task 2: Add _ing to the verbs.**(Thêm **ing** vào các động từ ở bên dưới.)

V_infinitive	V_ing
read	
eat	
run	
cook	
sleep	
meet	
drink	
skip	
clean	
chat	

V_infinitive	V_ing
see	
draw	
get	
look	
wash	
listen	
teach	
swim	
watch	
plan	



Task 3: Fill in the blanks using Present Continuous with Affirmative form. (Điền vào chỗ trống bằng thì *Hiện tại tiếp diễn* ở dạng khẳng định.)

Sbj + am/is/are + Ving				
I	+	am	+	starting
He	+	is	+	starting
She				
It				
You	+	are	+	starting
We				
You				
They				

Example: She (draw) **is drawing** the pictures.

1. My mother (cook) in the kitchen.
2. I (read) book.
3. Jim and Peter (do) homework.
4. Miss Mira (teach) English in our class.
5. My parents (plant)the trees in the garden.
6. You (drink) a cup of tea.
7. The baby (have) a nap.
8. We (go) to the park.
9. They (watch) film now.
10. Look! The dog (eat) now.



Task 4: Listen and match.

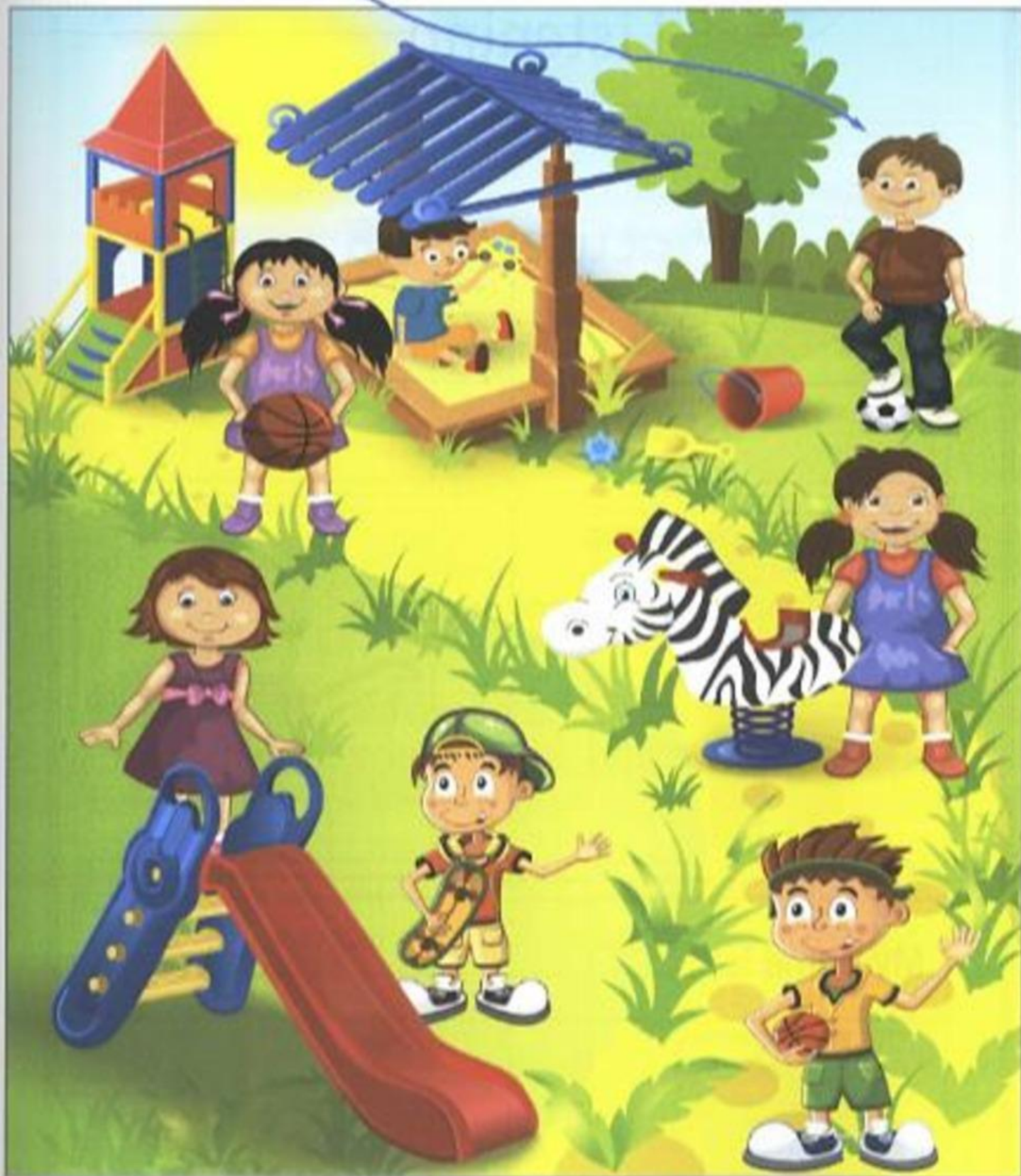
(Nghe và nối đáp án.)

Grace

Ben

Mark

Alice



Bill

Lucy

Nick